

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG  
VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 31

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Quốc Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trương Hữu Chí	Thành viên
Ông Vũ Trọng Hiến	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trương Minh Khôi	Q.Tổng Giám đốc
Ông Tạ Đình Lân	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú	Trưởng ban kiểm soát
Bà Đinh Thị Huyền Trang	Thành viên
Ông Bùi Toàn Thắng	Thành viên

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Dương Thị Hà Bích.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng: Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trương Minh Khôi**  
**Q. Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 31/03/2022, trình bày từ trang 06 đến trang 31 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Công ty chưa đánh giá một cách thận trọng khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2021 với giá trị 13,954 tỷ đồng (tại 01/01/2021 11,03 tỷ đồng). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu quá hạn trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Tại thời điểm 31/12/2021, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận của các khoản công nợ Phải thu khách hàng (mã số 131) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với giá trị 7.159.389.020 đồng. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế để có thể thu thập được các bằng chứng thích hợp để đưa ra ý kiến về tính đầy đủ và giá trị các khoản công nợ phải thu khách hàng chưa được đối chiếu này.

Liên quan đến các khoản đầu tư dài hạn khác với giá trị 10.949.873.500 đồng, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của các Công ty nhận đầu tư nên chưa có cơ sở để đưa ý kiến về giá trị thuần của các khoản đầu tư cũng như việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (nếu có) của Công ty.

Dự án Đổi mới công nghệ sản xuất trạm trộn bê tông không thể triển khai tiếp do không đủ vốn đối ứng, chi phí tư vấn lập dự án đổi mới công nghệ đến ngày 31/12/2021 với giá trị 1.500.000.000 đồng đang được theo dõi trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn”. Chúng tôi không thu thập được các kế hoạch của Công ty liên quan đến việc phê duyệt xử lý Dự án không thực hiện tiếp này.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.



---

**Phạm Gia Đạt**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số  
0798-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022*

---

**Nguyễn Văn Hải**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số  
1395-2018-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31/12/2021*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>01/01/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>213.870.682.078</b>	<b>209.024.160.051</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>4.299.534.142</b>	<b>6.436.375.573</b>
Tiền	111		4.299.534.142	2.436.375.573
Các khoản tương đương tiền	112		-	4.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>70.619.589.498</b>	<b>74.932.627.590</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	70.663.544.064	74.824.344.561
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.692.141.601	7.394.972.615
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	2.367.334.516	2.367.334.516
Các khoản phải thu khác	136	10	3.159.110.323	2.437.197.904
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(13.262.541.006)	(12.091.222.006)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>137.340.166.537</b>	<b>125.206.154.678</b>
Hàng tồn kho	141		137.340.166.537	125.206.154.678
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.611.391.901</b>	<b>2.449.002.210</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	3.021.669	4.169.997
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.586.166.369	2.369.672.614
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	22.203.863	75.159.599
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>105.173.158.979</b>	<b>108.210.091.701</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>59.115.857.228</b>	<b>59.130.223.113</b>
Phải thu dài hạn khác	216	10	59.115.857.228	59.130.223.113
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.121.820.907</b>	<b>13.163.137.977</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	10.933.820.907	12.945.137.977
- Nguyên giá	222		46.563.094.163	48.484.764.524
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.629.273.256)	(35.539.626.547)
Tài sản cố định vô hình	227	14	188.000.000	218.000.000
- Nguyên giá	228		3.698.068.098	3.698.068.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.510.068.098)	(3.480.068.098)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>15.910.802.710</b>	<b>16.371.107.458</b>
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.559.289.210	5.019.593.958
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.351.513.500	11.351.513.500
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.024.678.134</b>	<b>19.545.623.153</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	19.024.678.134	19.545.623.153
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>319.043.841.057</b>	<b>317.234.251.752</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>192.724.074.752</b>	<b>186.761.360.313</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>123.398.602.646</b>	<b>116.848.888.207</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	35.425.434.345	37.139.373.228
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.323.681.387	16.696.311.966
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.743.559.250	2.722.929.867
Phải trả người lao động	314		4.019.169.319	3.402.017.808
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		185.501.711	137.510.511
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	9.873.527.090	4.189.129.158
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	50.083.978.060	51.728.064.185
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		743.751.484	833.551.484
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>69.325.472.106</b>	<b>69.912.472.106</b>
Phải trả dài hạn khác	337	16	69.090.472.106	68.957.472.106
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	235.000.000	955.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>126.319.766.305</b>	<b>130.472.891.439</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>126.319.766.305</b>	<b>130.472.891.439</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.000.000.000	38.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000	38.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		16.200.000.000	16.200.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.793.442.327	10.793.442.327
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.016.472.378	20.412.960.898
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.921.349.956	18.205.105.853
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		95.122.422	2.207.855.045
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		43.309.851.600	45.066.488.214
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>319.043.841.057</b>	<b>317.234.251.752</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích

Q. Tổng Giám đốc



Trương Minh Khôi



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	122.396.713.883	148.085.323.169
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		122.396.713.883	148.085.323.169
Giá vốn hàng bán	11	21	109.123.213.758	128.000.862.803
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.273.500.125	20.084.460.366
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.016.497.273	331.403.833
Chi phí tài chính	22	23	3.533.228.279	3.511.167.170
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.492.853.286	3.393.554.839
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(263.493.806)	(540.263.965)
Chi phí bán hàng	25	24	705.033.843	671.401.741
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	9.443.503.023	10.009.934.562
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.344.738.447	5.683.096.761
Thu nhập khác	31		1.370.209.138	184.077.020
Chi phí khác	32		730.552.243	683.464.770
Lợi nhuận khác	40		639.656.895	(499.387.750)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.984.395.342	5.183.709.011
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		349.909.534	323.892.530
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.634.485.808	4.859.816.481
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		95.122.422	2.207.855.045
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.539.363.386	2.651.961.436
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	25	477

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích

Q. Tổng Giám đốc



Trương Minh Khôi

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		2.984.395.342	5.183.709.011
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.014.400.390	2.407.122.226
Các khoản dự phòng	03		1.171.319.000	-
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		16.292.498	(897.974)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(4.045.292.254)	(23.410.290)
Chi phí lãi vay	06		3.492.853.286	3.393.554.839
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		5.633.968.262	10.960.077.812
Tăng giảm các khoản phải thu	09		5.071.490.958	(40.274.823.767)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(12.134.011.859)	(14.036.983.348)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		7.986.330.689	38.283.676.823
Tăng giảm chi phí trả trước	12		522.093.347	1.170.303.605
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.415.055.220)	(3.348.924.420)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(490.027.892)	(1.173.741.446)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(89.800.000)	(1.437.455.387)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		3.084.988.285	(9.857.870.128)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn	21		-	(60.500.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		318.181.818	710.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		814.363.824	209.986.851
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		1.132.545.642	859.486.851
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		102.244.428.602	98.743.639.974
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(104.608.514.727)	(87.050.730.073)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.504.678.200)
Cổ tức đã trả cho các cổ đông thiểu số			-	(2.760.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(2.364.086.125)	5.428.231.701
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		1.853.447.802	(3.570.151.576)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	7	2.436.375.573	9.995.856.742
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.710.767	10.670.407
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	7	4.299.534.142	6.436.375.573

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng



Dương Thị Hà Bích

Q. Tổng Giám đốc



Trương Minh Khôi

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (“Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Sản xuất thiết bị xây dựng thuộc Công ty Kinh doanh Vật tư và Xây dựng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội. Công ty được chuyển đổi (Cổ phần hoá) từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 601/QĐ-BXD ngày 25/05/1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100947309 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05/05/2017.

Trụ sở chính: Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Kinh doanh trung tâm thể thao, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar);
- Lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp;
- Thiết kế chuyên giao công nghệ trong ngành máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, lắp đặt kết cấu thép và nhà xưởng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng; Sản xuất bê tông các loại;
- Chuyển giao công nghệ mới trong ngành máy và thiết bị công nghiệp; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuẩn bị dự án, lập dự án, tư vấn thực hiện dự án;
- Tư vấn điều hành quản lý dự án;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)**

- Sản xuất, kinh doanh máy và thiết bị công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản, môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản; tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Thiết kế kiến trúc, nội ngoại thất công trình; thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thiết kế hệ thống điều khiển công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống điện, lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình công nghiệp; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng các loại công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông. Lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

**2. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT**

Công ty	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỉ lệ sở hữu tại 31/12/2021 (%)	Trụ sở
1 Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE 1	60.000	54%	Lô đất 22 + 23 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội
2 Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa	3.000	51%	Số 4 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
3 Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	5.000	70,84%	Lô 22, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội
4 Viện cơ điện tử CIE	1.000	100%	Tầng 19 Tòa nhà GELEX số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**3. CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ÁNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 02 công ty liên kết là

Công ty	Tỉ lệ sở hữu (%)	Trụ sở
1 Công ty Cổ phần 3B	28%	Tổ 18, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
2 Công ty Cổ phần Cơ khí 1-5	43,23%	Số 348 Hai Bà Trưng, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

**4. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất này là đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**5.1 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**5.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con, bao gồm:

- 1 Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1
- 2 Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa
- 3 Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2
- 4 Viện Cơ Điện tử CIE

Các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trên vốn chủ sở hữu.

Giá trị khoản mục đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**6. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**6.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**6.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 6.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### 6.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Tại thời điểm cuối năm, Công ty chưa xem xét trích lập đầy đủ các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

### 6.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình bao gồm: bản quyền, bằng sáng chế; và khoản chi phí đền bù, san lấp mặt bằng tại Khu Công nghiệp Quang Minh. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Bản quyền, bằng sáng chế	05
Tài sản cố định vô hình khác	05

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**6.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03
- Thiết bị quản lý	02 - 08

**6.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Giá trị khoản mục đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

***Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác:*** các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các đơn vị phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm cuối năm, Công ty chưa xem xét trích lập đầy đủ các khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 6.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

*Tiền thuê văn phòng:* Thể hiện số tiền thuê đã được trả trước cho toàn bộ thời gian thuê. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

*Các khoản chi phí trả trước khác:* Bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí sửa chữa hoàn thiện văn phòng và các chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

### 6.9 GHI NHẬN DOANH THU, GIÁ VỐN

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

### 6.10 NGOẠI TỆ

Trong năm 2021, việc xử lý chênh lệch tỷ giá đối với các khoản mục tiền tệ được Công ty áp dụng như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính, thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Cuối năm tài chính, Công ty đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam” theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.
- Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

### 6.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Các khoản vay của công ty trong năm gồm các khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**6.12 THUẾ**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Riêng đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 được chứng nhận là doanh nghiệp khoa học công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 09/DNKHCN ngày 28/08/2012 do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ doanh thu của các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học công nghệ (doanh thu sản phẩm khoa học công nghệ đạt từ 70% tổng doanh thu trở lên) và được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp khoa học công nghệ. Năm 2021, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động kinh doanh sản phẩm khoa học công nghệ đủ điều kiện là 10% và là năm thứ 5 công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

**6.13 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, các Công ty liên doanh liên kết, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**7. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Tiền mặt	274.272.391	325.517.545
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.025.261.751	2.110.858.028
- Các khoản tương đương tiền	-	4.000.000.000
	<b>4.299.534.142</b>	<b>6.436.375.573</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>70.663.544.064</b>	<b>74.824.344.561</b>
- Công ty CP Viện máy và Dụng cụ Công nghiệp	2.962.109.000	2.962.109.000
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC)	2.087.942.000	4.146.342.000
- Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất A&D Việt Nam	2.300.000.000	2.641.700.000
- Công ty TNHH ABB	-	3.553.640.280
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công nghệ AT	2.395.873.296	-
- Công ty TNHH Hitachi Energy Việt Nam	4.180.844.943	-
- Các khách hàng khác	56.736.774.825	61.520.553.281
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>70.663.544.064</b>	<b>74.824.344.561</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 26)	<b>2.087.942.000</b>	<b>4.146.342.000</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.021.669</b>	<b>4.169.997</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	1.720.000
- Các khoản khác	3.021.669	2.449.997
<b>Dài hạn</b>	<b>19.024.678.134</b>	<b>19.545.623.153</b>
- Chi phí thuê văn phòng dài hạn	8.404.705.091	8.625.877.091
- Trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng	2.841.225.996	2.973.382.152
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	197.310.297	367.447.345
- Nghiên cứu đổi mới khoa học công nghệ (*)	1.500.000.000	1.813.116.000
- Chi phí nghiên cứu thiết kế sản phẩm mới	3.402.949.205	3.402.949.205
- Các khoản khác	2.678.487.545	2.362.851.360
	<b>19.027.699.803</b>	<b>19.549.793.150</b>

(\*): Chi phí tư vấn lập Dự án Đổi mới công nghệ sản xuất trạm trộn bê tông không thể triển khai tiếp do không đủ vốn đối ứng.

**10. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.159.110.323</b>	-	<b>2.437.197.904</b>	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	544.750.000	-	15.750.000	-
- Tạm ứng cho người lao động	147.564.333	-	227.817.833	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	34.120	-
- Phải thu khác	2.466.795.990	-	2.193.595.951	-
<b>Cho vay ngắn hạn</b>	<b>2.367.334.516</b>	-	<b>2.367.334.516</b>	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà (CIE-CMC-SĐVĐ)	2.167.334.516	-	2.167.334.516	-
- Các đối tượng khác	200.000.000	-	200.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>59.115.857.228</b>	-	<b>59.130.223.113</b>	-
- Các khoản phải thu về dự án Nhân Chính	59.115.823.108	-	59.130.223.113	-
- Phải thu khác	34.120	-	-	-
	<b>64.642.302.067</b>	-	<b>63.934.755.533</b>	-
<b>Phải thu khác là bên liên quan</b>	<b>531.250.000</b>	-	<b>531.250.000</b>	-

(Chi tiết tại thuyết minh số 26)

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	10.422.295.687	-	10.023.318.970	-
- Công cụ, dụng cụ	43.644.500	-	81.134.000	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	123.145.605.877	-	111.373.081.235	-
- Hàng hoá	3.728.620.473	-	3.728.620.473	-
	<b>137.340.166.537</b>	-	<b>125.206.154.678</b>	-

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2021	29.395.262.279	12.398.259.616	6.012.106.238	679.136.391	48.484.764.524
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.251.808.802)	(669.861.559)	-	(1.921.670.361)
31/12/2021	<u>29.395.262.279</u>	<u>11.146.450.814</u>	<u>5.342.244.679</u>	<u>679.136.391</u>	<u>46.563.094.163</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2021	21.637.024.986	9.355.178.125	3.983.310.015	564.113.421	35.539.626.547
- Khấu hao trong năm	852.430.644	693.123.122	420.801.469	18.045.155	1.984.400.390
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.224.892.122)	(669.861.559)	-	(1.894.753.681)
31/12/2021	<u>22.489.455.630</u>	<u>8.823.409.125</u>	<u>3.734.249.925</u>	<u>582.158.576</u>	<u>35.629.273.256</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2021	<u>7.758.237.293</u>	<u>3.043.081.491</u>	<u>2.028.796.223</u>	<u>115.022.970</u>	<u>12.945.137.977</u>
31/12/2021	<u>6.905.806.649</u>	<u>2.323.041.689</u>	<u>1.607.994.754</u>	<u>96.977.815</u>	<u>10.933.820.907</u>

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là: 21.810.684.799 đồng.

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	PP Vốn CSH VND	Giá gốc VND	PP Vốn CSH VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>6.277.468.000</b>	<b>4.559.289.210</b>	<b>6.277.468.000</b>	<b>5.019.593.958</b>
- Công ty CP 3B	3.500.000.000	3.844.366.871	3.500.000.000	3.778.768.958
- Công ty Cổ phần Cơ khí 1-5	2.777.468.000	714.922.339	2.777.468.000	1.240.825.000
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Số lượng Cổ phần CP	Giá gốc VND	Số lượng Cổ phần CP
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>11.351.513.500</b>		<b>11.351.513.500</b>	
- Công ty CP Công nghiệp Môi trường	375.000.000	37.500	375.000.000	37.500
- Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Xây dựng IMI	12.500.000	1.250	12.500.000	1.250
- Công ty TNHH Tư vấn và Phát triển phần mềm	40.000.000		40.000.000	
- Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ Công nghiệp	5.652.373.500	267.885	5.652.373.500	267.885
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà CIE-CMC-SĐVĐ	4.870.000.000	487.000	4.870.000.000	487.000
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	352.500.000	22.500	352.500.000	22.500
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển CCV	49.140.000	4.914	49.140.000	4.914

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Bản quyền bằng sáng chế VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>				
01/01/2021	700.000.000	300.000.000	2.698.068.098	3.698.068.098
- Mua trong năm	-	-	-	-
31/12/2021	<u>700.000.000</u>	<u>300.000.000</u>	<u>2.698.068.098</u>	<u>3.698.068.098</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
01/01/2021	700.000.000	82.000.000	2.698.068.098	3.480.068.098
- Khấu hao trong năm	-	30.000.000	-	30.000.000
31/12/2021	<u>700.000.000</u>	<u>112.000.000</u>	<u>2.698.068.098</u>	<u>3.510.068.098</u>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>				
01/01/2021	-	218.000.000	-	218.000.000
31/12/2021	-	<u>188.000.000</u>	-	<u>188.000.000</u>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.873.527.090</b>	<b>4.189.129.158</b>
- Kinh phí công đoàn	856.825.840	577.860.760
- Bảo hiểm xã hội	1.724.247.938	612.598.412
- Bảo hiểm y tế	49.568.914	48.552.975
- Bảo hiểm thất nghiệp	10.969.533	22.463.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.481.527.860	290.835.245
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.750.387.005	2.636.818.766
<b>Dài hạn</b>	<b>69.090.472.106</b>	<b>68.957.472.106</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	634.969.270	501.969.270
- Dự án Nhà chung cư Nhân chính - Thanh Xuân	68.455.502.836	68.455.502.836
+ Công ty CP Đầu tư và PT nhà CIE-CMC-SDVD	37.354.275.675	37.354.275.675
+ Công ty CP Kinh doanh Vật tư & Xây dựng	6.719.003.823	6.719.003.823
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà - Việt Đức	24.382.223.338	24.382.223.338
	<u>78.963.999.196</u>	<u>73.146.601.264</u>
<b>Phải trả khác là bên liên quan</b>	<b>7.119.003.823</b>	<b>6.719.003.823</b>

(Chi tiết tại thuyết minh số 26)

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>35.425.434.345</b>	<b>35.425.434.345</b>	<b>37.139.373.228</b>	<b>37.139.373.228</b>
- Công ty Cổ phần 3B	1.179.888.624	1.179.888.624	1.284.742.374	1.284.742.374
- Công ty TNHH TM & XL Điện Việt Nhật	2.782.518.750	2.782.518.750	1.300.994.980	1.300.994.980
- Công ty TNHH SX DV & TM thép Việt Anh	2.360.029.145	2.360.029.145	1.318.235.600	1.318.235.600
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	1.402.167.522	1.402.167.522	2.299.819.355	2.299.819.355
- Công ty TNHH Kim khí Chương Dương	4.311.913.781	4.311.913.781	1.778.682.378	1.778.682.378
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Z179	1.344.916.000	1.344.916.000	1.546.863.900	1.372.175.640
- Các đối tượng khác	22.044.000.523	22.044.000.523	27.610.034.641	27.610.034.641
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>35.425.434.345</b>	<b>35.425.434.345</b>	<b>37.139.373.228</b>	<b>37.139.373.228</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>3.927.739.972</b>	<b>3.927.739.972</b>	<b>6.313.092.003</b>	<b>6.313.092.003</b>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 26)</i>				



**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>	<b>2.722.929.867</b>	<b>2.412.917.896</b>	<b>3.392.288.513</b>	<b>1.743.559.250</b>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.711.690.758	1.791.747.131	2.316.901.748	1.186.536.141
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	21.827.968	21.827.968	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	435.029.963	349.909.534	479.783.953	305.155.544
- Thuế thu nhập cá nhân	516.192.083	127.489.889	404.605.515	239.076.457
- Các loại thuế, phí khác	60.017.063	121.943.374	169.169.329	12.791.108
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
<b>Phải thu</b>	<b>75.159.599</b>	<b>64.340.627</b>	<b>11.384.891</b>	<b>22.203.863</b>
- Thuế thu nhập cá nhân	5.770.992	196.680	1.140.952	6.715.264
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.388.607	64.143.947	10.243.939	15.488.599

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>50.083.978.060</b>	<b>50.083.978.060</b>	<b>102.244.428.602</b>	<b>103.888.514.727</b>	<b>51.728.064.185</b>	<b>51.728.064.185</b>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh	6.760.484.300	6.760.484.300	15.648.394.312	16.135.329.012	7.247.419.000	7.247.419.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	32.409.993.760	32.409.993.760	77.371.352.290	74.918.382.115	29.957.023.585	29.957.023.585
- Vay các cá nhân (3)	10.913.500.000	10.913.500.000	9.224.682.000	12.834.803.600	14.523.621.600	14.523.621.600
+ Tại CIE 1	7.157.000.000	7.157.000.000	1.569.682.000	3.204.682.000	8.792.000.000	8.792.000.000
+ Tại Kim Hoa	3.429.000.000	3.429.000.000	7.570.000.000	9.630.121.600	5.489.121.600	5.489.121.600
+ Tại Viện cơ điện tử CIE	327.500.000	327.500.000	85.000.000	-	242.500.000	242.500.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>235.000.000</b>	<b>235.000.000</b>	<b>-</b>	<b>720.000.000</b>	<b>955.000.000</b>	<b>955.000.000</b>
- Vay các cá nhân (3)	235.000.000	235.000.000	-	720.000.000	955.000.000	955.000.000
+ Tại CIE 1	235.000.000	235.000.000	-	720.000.000	955.000.000	955.000.000
	<b>50.318.978.060</b>	<b>50.318.978.060</b>	<b>102.244.428.602</b>	<b>104.608.514.727</b>	<b>52.683.064.185</b>	<b>52.683.064.185</b>

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(1): Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021/5939521/HĐTD ngày 15/09/2021 giữa Công ty CP Thương mại Kim Hoa với Ngân hàng Đầu tư Phát triển - Chi nhánh Thanh Xuân với hạn mức 10 tỷ đồng, lãi suất theo thả nổi theo từng thời điểm. Khoản vay này được dùng cho mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C.

(2): Hợp đồng tín dụng số 01/2021/13117513/HĐTD ngày 24/09/2021 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 với hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 50 tỷ đồng; trong đó, hạn mức cho vay ngắn hạn (bao gồm cho vay, bảo lãnh thanh toán, mở LC) và tối đa là 30 tỷ. Hạn mức tín dụng này đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở LC của khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/13117513/HĐTD ngày 25/09/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung. Thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này mà Điều khoản về phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm trong hợp đồng này

(3): Các khoản vay với các cá nhân có thời hạn và lãi suất quy định cụ thể theo từng hợp đồng.

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2020</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>16.200.000.000</b>	<b>10.793.442.327</b>	<b>19.128.674.036</b>	<b>48.613.955.808</b>	<b>132.736.072.171</b>
- Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	2.207.855.045	2.651.961.436	4.859.816.481
- Chia cổ tức	-	-	-	(1.900.000.000)	(1.104.000.000)	(3.004.000.000)
- Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(394.800.000)	-	(394.800.000)
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	1.371.231.817	(5.095.429.030)	(3.724.197.213)
<b>31/12/2020</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>16.200.000.000</b>	<b>10.793.442.327</b>	<b>20.412.960.898</b>	<b>45.066.488.214</b>	<b>130.472.891.439</b>
<b>01/01/2021</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>16.200.000.000</b>	<b>10.793.442.327</b>	<b>20.412.960.898</b>	<b>45.066.488.214</b>	<b>130.472.891.439</b>
- Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	95.122.422	2.539.363.386	2.634.485.808
- Chia cổ tức tại Công ty mẹ (*)	-	-	-	(1.900.000.000)	-	(1.900.000.000)
- Thù lao Hội đồng Quản trị (*)	-	-	-	(394.800.000)	-	(394.800.000)
- Chia cổ tức tại Công ty con (**)	-	-	-	-	(4.296.000.000)	(4.296.000.000)
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	(196.810.942)	-	(196.810.942)
<b>31/12/2021</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>16.200.000.000</b>	<b>10.793.442.327</b>	<b>18.016.472.378</b>	<b>43.309.851.600</b>	<b>126.319.766.305</b>

(\*): Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 68/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/11/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp.

(\*\*): Thực hiện Phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/11/2021 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 và Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐTV ngày 12/5/2021 của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Chế tạo Máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2, Nghị quyết số 43/NQ-HĐQT ngày 01/9/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn xây dựng và Thiết bị Công nghiệp về việc Phân chia lợi nhuận của Công ty CIE2 và giảm trừ công nợ giữa các bên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19.2. CỔ PHIẾU**

	31/12/2021	01/01/2021
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**19.3. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	38.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	91.474.633.722	116.976.036.749
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.484.627.070	30.918.486.420
- Doanh thu bán phế liệu	437.453.091	190.800.000
	<b>122.396.713.883</b>	<b>148.085.323.169</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 26)	<b>71.720.000</b>	<b>6.926.500</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	86.730.858.949	100.429.917.348
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.997.779.225	27.398.744.945
- Giá vốn bán phế liệu	394.575.584	172.200.510
	<b>109.123.213.758</b>	<b>128.000.862.803</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.076.922	154.491.883
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.929.500.000	109.509.750
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	77.920.351	66.504.226
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	897.974
	<b>3.016.497.273</b>	<b>331.403.833</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Chi phí lãi vay	3.492.853.286	3.393.554.839
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	24.082.495	117.612.331
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	16.292.498	-
	<b>3.533.228.279</b>	<b>3.511.167.170</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>9.443.503.023</b>	<b>10.009.934.562</b>
- Nhân viên quản lý	3.822.178.314	4.284.587.448
- Chi phí vật liệu quản lý	827.490.583	331.688.914
- Chi phí đồ dùng Văn phòng	167.946.239	208.554.032
- Chi phí khấu hao TSCĐ	315.785.879	329.533.660
- Thuế, phí lệ phí khác	145.735.594	140.195.617
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.296.177.902	3.371.396.833
- Chi phí dự phòng	1.171.319.000	229.554.800
- Chi phí khác bằng tiền	696.869.512	1.114.423.258
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>705.033.843</b>	<b>671.401.741</b>
- Chi phí bảo hành sản phẩm	528.761.426	446.257.461
- Chi phí bán hàng khác	176.272.417	225.144.280
	<b>10.148.536.866</b>	<b>10.681.336.303</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	95.122.422	2.207.855.045
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(394.800.000)
+ Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (*)	-	(394.800.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	95.122.422	1.813.055.045
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.800.000	3.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>25</b>	<b>477</b>

(\*): Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 68/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/11/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 được trình bày lại là 477 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày là 581 đồng/cổ phiếu).

**26. THÔNG TIN BÊN LIÊN QUAN**

**26.1 MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

STT	Đối tượng	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần 3B	Công ty liên kết
2	Công ty Cổ phần Cơ khí 1-5	Công ty liên kết
3	Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC)	Chủ tịch HĐQT của Công ty là Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT của CMC

**26.2 GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Mua hàng từ bên liên quan</b>	<b>855.119.141</b>	<b>5.599.573.737</b>
- Công ty Cổ phần 3B	425.754.141	2.649.871.789
- Công ty Cổ phần Cơ khí 1-5	429.365.000	2.949.701.948
<b>Bán hàng cho bên liên quan</b>	<b>71.720.000</b>	<b>6.926.500</b>
- Công ty Cổ phần 3B	71.720.000	6.926.500
<b>Nhận lợi nhuận, cổ tức được chia</b>	<b>13.500.000</b>	<b>15.750.000</b>
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC)	13.500.000	15.750.000

**26.3 SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>2.087.942.000</b>	<b>4.146.342.000</b>
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC)	2.087.942.000	4.146.342.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>531.250.000</b>	<b>531.250.000</b>
- Công ty Cổ phần Cơ khí 1-5	531.250.000	531.250.000
<b>Phải trả người bán</b>	<b>3.927.739.972</b>	<b>6.313.092.003</b>
- Công ty Cổ phần 3B	1.179.888.624	1.284.742.374
- Công ty Cổ phần Cơ khí 1-5	2.747.851.348	5.028.349.629
<b>Phải trả khác</b>	<b>7.119.003.823</b>	<b>6.719.003.823</b>
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC)	6.719.003.823	6.719.003.823
- Công ty Cổ phần 3B	400.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26.4 THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Hội đồng quản trị</b>	-	<b>1.504.139.000</b>
- Ông Lê Quốc Tuấn      Chủ tịch Hội đồng Quản trị	-	262.637.000
- Ông Trương Hữu Chí    Thành viên Hội đồng quản trị	-	327.203.000
- Ông Vũ Trọng Hiến      Thành viên Hội đồng quản trị	-	361.489.000
- Ông Tạ Đình Lân        Thành viên Hội đồng quản trị	-	301.635.000
- Ông Nguyễn Đức Minh   Thành viên Hội đồng quản trị	-	251.175.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>157.645.000</b>	<b>654.439.767</b>
- Ông Trương Minh Khôi   Q.Tổng Giám đốc	157.645.000	352.804.767
- Ông Tạ Đình Lân        Phó Tổng Giám đốc	-	301.635.000

**27. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí chế tạo, đồng thời các các hoạt động này diễn ra ở Việt Nam nên Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận.

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán của Công ty.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng



Dương Thị Hà Bích

Q.Tổng Giám đốc



Trương Minh Khôi